TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:01/2026/HNGĐ-ST Ngày: 07 - 01 - 2026 V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xô
Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07/01/2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 276/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1990; Địa chỉ: TDP A, phường T, thành phố Hải Phòng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thanh Th, sinh ngày 26 tháng 9 năm 1991; Số CCCD:, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp ; Địa chỉ ĐKHKTT: thôn Th, xã N, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Văn Th1, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975. Đều có địa chỉ: thôn N, phường B, thành phố Hải Phòng. Đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh Đ và chị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, và được đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Hoà, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 29/11/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đôi bên thường xuyên xảy ra cãi vã, tranh chấp với nhau nên chị Th đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Tháng 8/2018 anh Đ đi lao động tại Đài Loan, trước khi đi anh có gặp và thông báo cho chị Th biết nhưng chị Th vẫn không về đoàn tụ, đôi bên không chia sẻ, liên lạc gì với nhau. Khoảng đầu năm 2021, anh Đ được biết chị

Th cũng đi lao động tại Singapore, cho đến tháng 11/2024, anh Đ về Việt Nam sinh sống và làm việc. Nay anh Đ thấy quan hệ vợ chồng đã bị cắt đứt từ lâu, tình cảm giữa đôi bên thực sự không còn, nên anh đã liên hệ, trao đổi cùng chị Th để giải quyết việc ly hôn. Tuy nhiên do chị Th đang ở nước ngoài, nên chị đề nghị được uỷ quyền cho bố mẹ đẻ chị (ông Vũ Văn Th1 và bà Nguyễn Thị L) để làm việc với Toà án.

Về con chung: Anh Đ và chị Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Vũ Bảo Ng, sinh ngày 30/9/2017, hiện cháu Ng đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị Th (ông Th1 và bà L). Nay ly hôn, anh xác định chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng, trong thời gian chị Th chưa về Việt Nam, chị đề nghị tạm giao cháu Ng cho bố mẹ đẻ chị Th trực tiếp chăm sóc đến khi chị Th về nước. Anh Đ đồng ý và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Đôi bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ông Th1, bà L (bố mẹ đẻ chị Th) thể hiện: Ông bà đã nhận được các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho chị Th, ông bà đã thông báo cho chị Th biết, tuy nhiên do chị Th đang ở nước ngoài nên không thể có mặt theo giấy triệu tập được. Ông bà xác định, về quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh Đ được tự do tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào tháng 11/2016. Sau kết hôn hai vợ chồng chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ anh Đ một thời gian ngắn thì chuyển về sinh sống cùng gia đình ông bà. Sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do làm ăn kinh tế khó khăn, bất đồng quan điểm sống nên anh Đ về nhà bố mẹ đẻ anh Đ sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau, gia đình cũng động viên khuyên bảo nhưng không được. Sau đó anh Đ đi lao động nước ngoài, khoảng tháng 7/2022 chị Th cũng đi lao động tại Singapore, việc chị Th đi lao động nước ngoài bằng con đường nào thì ông bà không rõ, không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị Th nhưng chị Th vẫn thường xuyên gọi điện về gia đình. Nay anh Đ có đơn xin ly hôn chị Th, ông bà đã thông tin cho chị Th được biết, chị Th có quan điểm vợ chồng đã ly thân nhau từ lâu, tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt chị. Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Vũ Bảo Ng, sinh năm 2017, hiện cháu Ng đang sinh sống cùng ông bà. Nay chị Th có quan điểm xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian chị Th chưa về Việt Nam, đồng ý giao cháu cho vợ chồng ông bà trực tiếp chăm sóc, ông Th1, bà L đồng ý giúp đỡ chị Th trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Ng cho đến khi chị Th về nước. Anh Đ có hỗ trợ cấp dưỡng nuôi con thế nào là tuỳ anh Đ, chị Th và ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tất cả giấy tờ Toà án giao cho chị Th, ông bà đã thông báo cho chị Th được biết. Do bận công việc nên ông bà đề nghị Toà án giải quyết vụ án, xét xử vắng mặt ông bà.

Tại Biên bản ghi lời khai cháu Nguyễn Vũ Bảo Ng thể hiện: Cháu Ng là con của bố Đ, mẹ Th, hiện cháu đang học lớp 3B trường tiểu học L, do mẹ cháu đi làm ăn xa, nên cháu đang sống cùng ông bà ngoại ở thôn N, phường B.

Nay nếu bố mẹ ly hôn, cháu Ng có nguyện vọng được sống cùng mẹ và ông bà ngoại của cháu.

Tại Biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Văn Đ (bố đẻ anh Đ) thể hiện: Chị Th và anh Đ là vợ chồng, được đăng ký kết hôn vào tháng 11/2016 và về sinh sống cùng gia đình ông một thời gian ngắn, sau đó chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị Th sinh sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh chị thì ông Định không nắm rõ, chỉ biết năm 2018 anh Đ đi lao động tại Đài Loan, chị Th sau đó cũng đi lao động nước ngoài hiện chưa về. Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Vũ Bảo Ng, sinh năm 2017, hiện cháu Ng đang sống cùng ông bà ngoại cháu. Việc anh Đ xin ly hôn chị Th và giao nuôi con chung, thì ông đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của các bên để sớm ổn định cuộc sống.

Tại Biên bản xác minh tại UBND xã N ngày 01/12/2025 xác định: Ông Th1, bà L là bố mẹ đẻ chị Th, thời điểm chị Th xây dựng gia đình có về sống cùng ông bà tại địa phương ở thôn Th, xã N. Quá trình chung sống vợ chồng chị Th có mâu thuẫn thế nào thì địa phương không nắm được. Sau đó chị Th đi lao động tại nước ngoài, ông Th1 và bà L chuyển về sinh sống tại quê gốc ở Ninh Xá, phường B, nhà đất ở xã N ông Th1 đã cho thuê. Việc anh Đ (chồng chị Th) xin ly hôn chị Th, địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định.

Tai Biên bản xác minh tại UBND phường T ngày 08/12/2025 xác định: Anh Đ và chị Th đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Hoà, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng), vào ngày 29/11/2016. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn như nào thì địa phương không nắm được, chỉ biết anh Đ đi lao động nước ngoài đã về Việt Nam, chị Th thì chưa về nước. Nay anh Đ xin ly hôn chị Th, UBND phường đề nghị Toà án giải quyết theo quy định.

Toà án tiến hành tra cứu, tại Công văn số 3948/XNC-Đ1 ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng cung cấp: Chị Vũ Thanh Th, sinh ngày 13/3/1994; CCCD số: qua kiểm tra trong CSDL hiện hành không thấy thông tin xuất nhập cảnh của trường hợp trên.

Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Đại diện VKSND khu vực 10 – Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với các đương sự cơ bản đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC;Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đ được ly hôn chị Th. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Vũ Bảo Ng, sinh ngày 30/9/2017 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu Ng cho ông Vũ Văn Th1 và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ đẻ của chị Th) nuôi dưỡng đến khi chị Th về Việt Nam hoặc khi có thay đổi khác.

Chấp nhận sự tự nguyện của các bên về việc không yêu cầu cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về án phí: anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ đối với chị Vũ Thanh Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Th, xã N, thành phố Hải Phòng. Qua tra cứu xác định chị Th không có thông tin xuất nhập cảnh nhưng địa phương và gia đình đều xác định hiện chị Th đang lao động tại Singapore. Tòa án đã tiến hành việc tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định đối với chị Vũ Thanh Th, các bên đương sự cũng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng thụ lý và xét xử vắng mặt anh Đ và chị Th là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ kết hôn cùng chị Vũ Thanh Th trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc anh Đ đề nghị xin ly hôn chị Th, chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không có tiếng nói chung, nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay anh Đ xin ly hôn, chị Th cũng xác định tình cảm giữa hai bên thực sự không còn, các bên đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Những điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Vũ Thanh Th là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Vũ Bảo Ng, sinh ngày 30/9/2017. Hiện cháu Ng đang do ông Th1, bà L (là bố mẹ đẻ của chị Th) trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn, xét nguyện vọng yêu cầu nuôi dưỡng con chung của các bên, phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng hiện nay, nên cần chấp nhận giao cháu Ng cho chị Th nuôi dưỡng, trong thời gian chị Th vắng

mặt, tạm giao cháu Ng cho ông Th1, bà L (bố mẹ đẻ chị Th) trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định cho cháu là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Các bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì anh Đ phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,122 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Vũ Thanh Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Bảo Ng, sinh ngày 30/9/2017 cho chị Vũ Thanh Th trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thay đổi khác. Tạm giao cháu Ng cho ông Vũ Văn Th1 và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ đẻ của chị Th) nuôi dưỡng trong thời gian chị Th vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số:0004922 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Đ đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, chị Vũ Thanh Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận: **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND khu vực 10 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng (người được ủy quyền: Trưởng phòng Phòng THADS khu vực 10 - Hải Phòng);
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền